

.

Rìběn rén

- **Greeting with others: greet your classmates in Chinese, and ask them to sign in their Chinese name below.**

.



我的喜好(My hobby)

Wǒ de xīhào

我喜歡_____

➤ Match the picture and the spelling below:



kàn diànyǐng

kàn diànshì



huà huà



zuò fàn



chàng gē

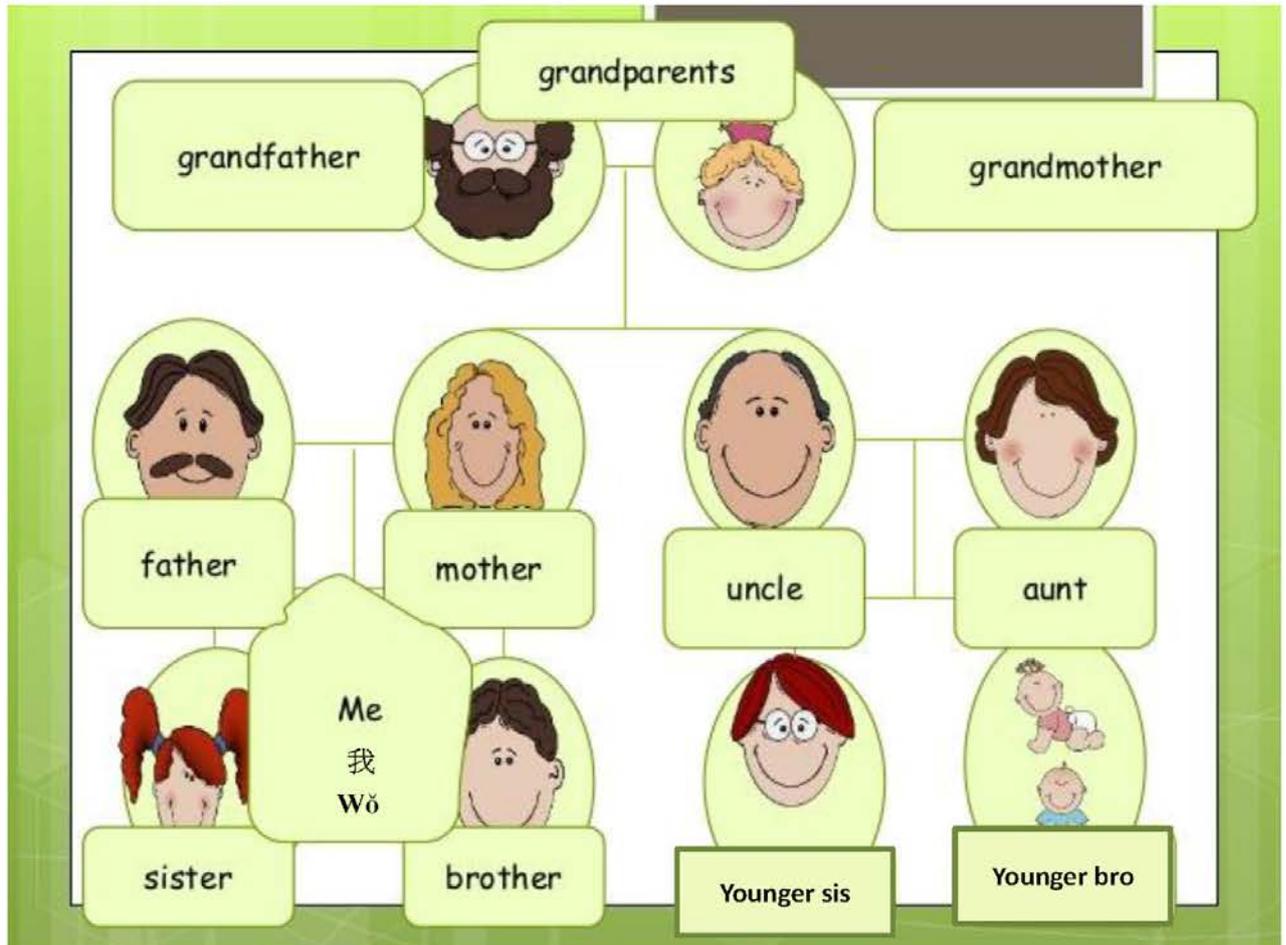


tiàowǔ



家人 jiā rén

我家有 + (family members)
Wǒ jiā yǒu





數字 (Numbers)

Shù zì

1	yī		11	shí yī	
2	èr		12	shí èr	
3	sān		13	shí sān	
4	sì		14	shí sì	
5	wǔ		15	shí wǔ	
6	liù		16	shí liù	
7	qī		17	shí qī	
8	bā		18	shí bā	
9	jiǔ		19	shí jiǔ	
10	shí		20	èr shí	

單元：美食

連連看(Picture Matching):

雞肉

粽子

湯圓

麵

果汁

Jīròu

jiǎozi

Tāngyuán

miàn

guǒzhī



小籠湯包

xiǎo lóng tāng bāo

牛肉

niúròu

珍珠奶茶

zhēnzhū nǎichá

飯

fàn

熱

rè

單元: 動物園

Fill in the number of what you hear :

() Qì'é



() Bānmǎ



() Táiwān hēixióng



() Shīzi



() Hè



() Mǎ



() Dà xiàng



() Chángjǐnglù

